

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2018/DS-ST

Ngày: 26-7-2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tiêu Thị Kim Liên

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 663/2017/DSST ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2018/QĐXX- DS ngày 19 tháng 6 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2018/ QĐST- DS ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T

Trụ sở: Lầu 8, 266 đường N, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn:

Bà D – Chức vụ : Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Lầu 8, 266 đường N, Phường H, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

(Theo văn bản ủy quyền số: 1287/2017/UQ-TTT ngày 30/10/2017).

2. Bị đơn: Ông X (tên thường gọi là H), sinh năm 1970

Địa chỉ : Số 535 đường T (số cũ là 26/19 đường H), Phường T , quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn ông M trình bày:

Ngày 02/6/2012, ông X (tên thường gọi là H) có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T(gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông X (tên thường gọi là H), Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông X (tên thường gọi là H) đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 114.526.799 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, ông X (tên thường gọi là H) đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 121.413.003 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông X (tên thường gọi là H) vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông X (tên thường gọi là H) vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), nên ngày 11/01/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và cHển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang dư nợ quá hạn (Điều 23 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông X, yêu cầu ông X có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông X trả nợ, tuy nhiên ông X vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông X (tên thường gọi là H) phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2017 là 51.748.170 đồng (*Năm mươi một triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn một trăm bảy mươi đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 30.972.090 đồng.
- Lãi quá hạn: 20.776.080 đồng.

Và ông X (tên thường gọi là H) có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/9/2017 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Sau đó đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông M có bản tự khai ngày 26/7/2018, yêu cầu ông X (tên thường gọi là H) phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2018 là 61.869.850 đồng (*Sáu mươi một triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 30.972.090 đồng.
- Lãi quá hạn: 30.897.760 đồng.

Và ông X (tên thường gọi là H) có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập ông X (tên thường gọi là H) đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông X (tên thường gọi là H) tại địa chỉ 26/19 đường số H, Phường T, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết: “Ông X (H) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 26/19 đường số H (số mới là 535 đường T), phường H, quận Gò Vấp. Hiện tại cả hộ ông X (H) đã bán nhà vào năm 2010 cHển đi đâu không rõ”. Tòa án đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ nơi cư ngụ mới của ông X (tên thường gọi là H) tại địa chỉ 03 đường L, phường H, quận K, Thành phố Đà Nẵng nhưng ông X (H) thuê nhà tại địa chỉ trên từ năm 2007 đến năm 2011, hiện nay ông X không có mặt tại địa phương, cHển đi đâu làm gì địa phương không rõ.

Tòa án tiến hành xác minh Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và thương mại dịch vụ Vĩnh Hoàng H tại Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng, được biết Công ty Sản xuất và thương mại dịch vụ Vĩnh Hoàng H địa chỉ 656 đường T, phường N, quận K, Thành phố Đà Nẵng đang được Sở kế hoạch và Đầu tư thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Công ty có đăng ký thay đổi kinh doanh tại địa chỉ 118 T, phường H, quận K; tình trạng pháp lý: ngày 13 tháng 9 năm 2016, Phòng đăng ký kinh doanh đã ban hành Thông báo số 75307/16 về việc vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và thương mại dịch vụ Vĩnh Hoàng H.

Tòa án tiến hành xác minh ông X (H) tại địa chỉ 656 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng được biết Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và thương mại dịch vụ Vĩnh Hoàng H hiện không hoạt động tại địa chỉ trên từ tháng 12 năm 2015 và ông X (H) không đăng ký tạm trú tại địa phương và đã cHển đi nơi khác nhưng không rõ địa chỉ từ tháng 12 năm 2015.

Tòa án tiến hành xác minh ông X (H) tại địa chỉ 118 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng thì Công an phường và Ủy ban Nhân dân phường Hòa Minh cho biết Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và thương mại dịch vụ Vĩnh Hoàng H hiện nay không còn hoạt động tại địa chỉ trên, và Công ty thuê mặt bằng và cHển đi nơi nào địa phương không biết thông tin. Và ông X (H) đã cHển đi nơi khác từ năm 2013 cho đến nay làm gì và ở đâu hiện nay không rõ.

Tòa án đã tiến hành yêu cầu nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Tpung cấp địa chỉ nơi ở mới hiện nay của ông X (H), tuy nhiên ông X (H) cHển đi ở nơi khác không thông báo cho Ngân hàng, vì vậy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tyêu cầu Tòa án niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của ông X (H) tại địa chỉ số 535 đường T (số cũ là 26/19 đường số H), Phường L, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử vắng mặt ông X (H).

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông X (H) không đến, do đó Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông X (H) hợp lệ theo quy định pháp luật, vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T do ông M là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng và ông vẫn giữ yêu cầu buộc ông X (H) phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/7/2018 là 61.869.850 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 30.972.090 đồng.
- Lãi quá hạn: 30.897.760 đồng.

Ông X (H) phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông X (H) là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông X (H) phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tsố tiền tạm tính đến ngày 26/7/2018 là 61.869.850 đồng (*Sáu mươi một triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 30.972.090 đồng.
- Lãi quá hạn: 30.897.760 đồng.

Ông X (H) phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm nộp án phí .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tkhởi kiện bị đơn ông X (H) về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng ngày 02/6/2012 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn ông X (H) có nơi cư trú cuối cùng tại chỉ 535/28/19 Thống Nhất (số cũ là 26/19 đường số 6), Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn ông X (H) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông X (H) theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/6/2012 đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T với ông X (H) cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông X (H) với hạn mức 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông X (H) đã thực hiện giao dịch và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 121.413.003 đồng còn lại nợ gốc là 30.972.090 đồng. Tuy nhiên kể từ ngày 10/12/2015, ông X (H) không thanh toán thêm cho ngân hàng bất kì khoản tiền nào. Ông X (H) đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông X (H) phải trả số tiền nợ gốc là 30.972.090 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 26/7/2018 là 30.897.760 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đồng thời ông X (H) phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/7/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Xét việc nguyên đơn yêu cầu trả số tiền trên làm một lần ngay sau khi bản

án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy số tiền trên bị đơn nợ nguyên đơn đã lâu đến nay chưa trả là gây thiệt hại rất nhiều cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả 1.293.704 đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0028001 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 61.869.850 đồng. Do đó bị đơn phải chịu án phí là 3.093.492 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 219, Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017;

- Căn cứ 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông X (H) có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Số tiền 61.869.850 đồng (*Sáu mươi một triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn tám trăm năm mươi đồng*), trong đó:

- Nợ gốc: 30.972.090 đồng.

- Lãi quá hạn: 30.897.760 đồng.

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông X (H) còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 27/7/2018 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất hợp đồng được ký ngày 02/6/2012 (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) .

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông X (H) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.093.492 (Ba triệu không trăm chín mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi hai đồng) .

Hoàn lại 1.293.704 (Một triệu hai trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm lẻ bốn) đồng tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn theo biên lai thu số 0028001 ngày 23 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Công Sơn